



Bắt mạch giá cả - lạm phát năm 2011

Mạch đập giá cả-lạm phát 2011

Theo Tổng cục Thống kê, CPI tháng 2/2011 của cả nước đã tăng tới 2,09% so với tháng 1 (trong đó, TP.HCM tăng 1,61% và TP.Hà Nội tăng 1,98 %) và tăng 3,78% so với cùng kỳ năm 2010. Có 10 trong tổng số 11 nhóm hàng hóa tăng giá, với mức tăng từ 0,36 đến 2,89%. Động thái CPI hai tháng đầu năm cho thấy những điểm đáng chú ý sau đây:

Thứ nhất, chỉ trong vòng 2 tháng đầu năm, CPI cả nước đã tăng tổng cộng 3,78% so với thời điểm cuối năm 2010. Trong khi đó, mục tiêu lạm phát được Quốc hội phê duyệt cho cả năm 2011 là dưới 7%. Nhìn vào cơ cấu tính chỉ số giá do Tổng cục Thống kê cung cấp, dễ nhận thấy giá cả tháng 2 chịu tác động mạnh của 2 nhóm mặt hàng là hàng ăn - dịch vụ ăn uống và đồ uống thuốc lá.

Không nằm ngoài dự đoán của các chuyên gia kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh đã tăng mạnh trong tháng 2-2011. CPI tại Hà Nội đã tăng 1,98%, so với con số 1,68% của tháng 1. Tại TP Hồ Chí Minh, mức tăng CPI là 1,61%, trong khi tháng 1 là 1,01%. CPI tháng 2 tăng mạnh là do thời điểm diễn ra Tết Nguyên đán, với sức mua trên thị trường tăng mạnh nhất trong

TS NGUYỄN MINH PHONG

năm. Như vậy, nhìn chung TP HCM và Hà Nội trong 3 tháng qua CPI tăng liên tiếp trên 1%.

Thứ hai, chỉ số giá của 10/11 nhóm hàng tiêu dùng đều tăng, nhưng tốc độ khác nhau giữa các nhóm hàng hóa, dịch vụ. Dẫn đầu về mức tăng là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống với mức tăng 3,65%; trong đó lương thực tăng 2,28% và thực phẩm tăng 4,53%. Điển hình như dầu ăn tăng 7,4%; bánh mứt kẹo tăng 3,17%; sữa nội tăng 2,07%... các loại thịt chế biến đóng hộp cũng tăng 2,54%. Riêng giá thịt lợn, loại thực phẩm phổ biến nhất đã tăng giá mạnh với mức 4,98% so với tháng trước; trong đó giá thịt lợn thân hiện ở mức 85 đến 95 nghìn đồng/kg. Ngoài ra, giá gas tăng 2,55%, giá vật liệu xây dựng tăng.

Thứ ba, các nguyên nhân gây tăng CPI về cơ bản vẫn tập trung vào những nhân tố quen thuộc, trước hết gắn với những sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng gắn với lễ, tết và sự điều chỉnh giá cả thị trường những hàng hóa đầu vào nhạy cảm trên diện rộng.

Về triển vọng, động thái CPI từ nay đến cuối năm 2011 sẽ phức tạp và khó lường, do chịu hợp lực của nhiều nhân tố tác động trực tiếp và gián tiếp, tức thời hay trễ muộn ít nhiều do: Tăng giá xăng, than, điện (theo lộ trình thực hiện giá cả thị trường), nước, chi phí vận tải,

mức tiền lương, lãi suất ngân hàng và các chi phí vốn của doanh nghiệp; Tăng đầu tư cho quá trình tái cấu trúc trong khi hệ quả của quá trình đó lại chưa bộc lộ ngay lập tức; khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, thích ứng với các yêu cầu tự do hoá và cạnh tranh bình đẳng thị trường, đảm bảo ổn định hoá môi trường đầu tư-kinh doanh và sự cân bằng giữa các lợi ích và mục tiêu chính sách.

Ngoài ra, kinh tế thế giới 2011 còn tiềm ẩn nhiều bất ổn trên thị trường hàng hoá và tài chính-tiền tệ, trong đó có xu hướng tiếp tục hoặc gia tăng biến động tỷ giá hối đoái của các đồng tiền chủ chốt và khủng hoảng nợ do thâm hụt ngân sách của nhiều nước như là hệ quả các gói kích thích kinh tế kéo dài đến 2010; đồng thời, nhiều khả năng cho thấy sự phục hồi từng bước nền kinh tế và gia tăng các hoạt động tiêu thụ hàng hoá, nguyên liệu cả trên thị trường trong nước và thế giới sẽ có thể làm tăng đồng thời các loại lạm phát chi phí đẩy và lạm phát ngoại nhập như mặt trái và hệ quả đi kèm tất yếu của tăng trưởng và toàn cầu hoá. Nhìn chung, CPI năm 2011 trong nước sẽ có một số xu hướng nổi bật sau:

Một là, xu hướng CPI cả năm sẽ tăng, giảm về cơ bản theo đồ thị hình sin; cụ thể, CPI tăng vào những tháng sau Tết Nguyên đán, rồi giảm dần từ đầu quý II và lại tiếp tục tăng trở lại vào cuối quý III, đầu quý IV.

Hai là, mức tăng giá cả sẽ không đồng đều theo các nhóm hàng hóa và dịch vụ. Do điều chỉnh tỷ giá khá sốc trong ngày 11.2.2011 lên tới 9,3% điều chỉnh giá xăng dầu vào ngày 24/2 lên tới 2.900 đồng/lít đưa giá xăng lên mức 19.300 đồng/lít và do trạng thái cân đối cung-cầu thị trường, nên sẽ có sự điều chỉnh tăng giá mạnh trước hết ở nhóm hàng ô tô và hàng ngoại nhập khác, nhóm lương thực, thực phẩm tươi sống, đồ uống, thiết bị và đồ dùng gia đình, cũng như một số dịch vụ du lịch,

văn hóa và giải trí khác. Từ quý 2/2011 có thể có sự tăng nhẹ giá muối, phân bón; tăng khá mạnh giá thép xây dựng, xi măng và thuốc chữa bệnh, cũng như giá cà của gạo, đường, thức ăn chăn nuôi, nhà ở, than và giá năng lượng khác. Xét theo mức tăng cả năm 2011 so với cuối năm 2010 thì giá vàng có thể tăng từ 10-15% và tỷ giá USD có thể tăng tới 15%.

Ba là, không loại trừ hoàn toàn khả năng lạm phát vượt quá 2 con số. Năm 2011 sẽ có nhiều khả năng lặp lại kịch bản của năm 2010: cơ hội đạt chỉ tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam là 6-6,5%/năm không quá khó khăn; Tuy nhiên, khả năng kiểm chế lạm phát ở con số 7-8%/năm đang dần trở thành điều không tưởng. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng sốt giá đột ngột và khan hiếm hàng hóa sẽ khó xảy ra trong giả định không có những đột biến về thiên tai và chính sách quản lý vĩ mô, cũng như những khủng hoảng mạnh trên thị trường tài chính-tiền tệ trong nước và quốc tế.

Về tổng quát, trong các tháng quý 1/2011, trên bình diện chung cả nước và thế giới, có thể thấy, cung sẽ thiếu hụt ở một số mặt hàng tiêu dùng trọng yếu, gây sức ép lên giá cả trong nước, ở cả chiều xuất và nhập khẩu (giá gạo xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng do các thị trường châu Phi, châu Á tiếp tục chuyển sang nhập khẩu các loại gạo của Việt Nam. FAO dự báo sản lượng ngũ cốc thế giới sẽ giảm 2,1% trong niên vụ 2010/11; so với năm 2010, lượng dự trữ ngũ cốc sẽ giảm 7%, lúa mạch giảm 35%, ngô giảm 12% và lúa mì giảm 10%; dự trữ gạo là trái ngược, tăng khoảng 6%. Theo FAO, việc giá cả tăng mạnh có thể khiến giá trị nhập khẩu lương thực thế giới vượt ngưỡng 1 nghìn tỷ đô la lần đầu tiên kể từ khi giá cả đạt đỉnh vào năm 2008).

Giải pháp kiểm chế lạm phát trong thời gian tới

Để kiểm chế tốt lạm phát ở

mức dưới một con số, ổn định và nâng cao chất lượng phát triển kinh tế trước hết Chính phủ cần chủ động, linh hoạt, thận trọng và phối hợp đồng bộ và theo hướng thị trường hơn các công cụ và hoạt động quản lý nhà nước, nhất là các chính sách tỷ giá và lãi suất; cân nhắc hợp lý hơn thời điểm và mức tăng giá trong lộ trình điều chỉnh giá các mặt hàng thiết yếu như điện, than, xăng dầu theo cơ chế thị trường. Các mức giá cần được tính toán trên cơ sở chi phí đầu hợp lý và có tính thị trường cao, mục tiêu kiểm soát lạm phát và hạn chế tối đa tác động đến đời sống của người dân; Đặc biệt, không nên tăng giá các mặt hàng này trong quý 1/2011. Đồng thời, Chính phủ cũng cần tăng cường hoạt động kiểm toán, giám sát, kiểm soát và xử lý sự độc quyền và các vi phạm về giá từ phía các doanh nghiệp và các bên có liên quan, giảm thiểu tình trạng đầu cơ, lũng đoạn và lợi dụng tăng giá tùy tiện trên thị trường; khuyến khích đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành. Bên cạnh đó, Nhà nước cần sớm điều chỉnh và có thể bãi bỏ một số chính sách hoàn thuế tại các khu kinh tế cửa khẩu đối với một số mặt hàng trong danh mục hàng hạn chế hoặc không khuyến khích nhập khẩu, nhằm tránh lạm dụng gây thất thoát NSNN và giúp tăng cường kiểm soát nhập siêu năm 2011 ở mức dưới 18%; Tiếp tục rà soát, cắt giảm những dự án, công trình chưa thật sự cấp bách hoặc chưa có khả năng tiếp tục bố trí vốn trong các năm tới; đảm bảo yêu cầu cạnh tranh kinh tế thị trường ngày càng đầy đủ có sự kiểm soát minh bạch, có hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; nhất là các lĩnh vực bán lẻ và chưa tự do hóa và các doanh nghiệp Nhà nước; thúc đẩy căn bản hơn và nhanh hơn quá trình cải thiện môi trường kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân đầu tư, phát triển sản



xuất kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ thâm hụt NSNN, nợ công và đầu tư công; ưu tiên đầu tư cho thu mua, chế biến và xuất khẩu nông sản, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh và có hàm lượng chế biến cao, hạn chế cho vay các nhu cầu vốn thuộc các lĩnh vực phi sản xuất; Kiểm soát chặt chẽ nợ quá hạn, nhất là nợ xấu trong các ngân hàng thương mại, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ.

Tiếp đó, thúc đẩy cơ cấu lại ngành và nhóm sản phẩm theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, giảm dần các ngành gia công sử dụng lao động giản đơn, phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên phụ liệu, thiết bị đầu vào cho sản xuất gia công; ưu tiên đầu tư phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao và các sản phẩm chủ lực có tiềm năng và sức cạnh tranh (công nghệ thông tin, vật liệu mới, cơ khí chế tạo, thiết bị văn phòng ...) phục vụ hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; Xây dựng quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; Khuyến khích bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống, kết hợp với du lịch sinh thái để tạo đầu ra cho sản phẩm và việc làm, thu nhập cho người dân

INH ỔN GIA
NG ONLINE

PH.ĐC.NH "NHỮNG NGÀY 2014"



Ảnh: ST

Ngoài ra, cần quan tâm hơn đến sự đủ đầy của các kho dự trữ quốc gia và chú trọng các chính sách hỗ

trợ đối với các đối tượng nghèo, khó khăn. Ở các thành phố lớn cần tiếp tục các hoạt động trong thẩm quyền phân cấp nhằm mục tiêu bình ổn các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, tập trung vào 9 nhóm ngành hàng là: lương thực (gạo tẻ), thịt gia súc gia cầm, trứng, đường, thủy hải sản, dầu ăn, rau củ...; đồng thời cần mở rộng các điểm bán hàng bình ổn, tăng cường kiểm soát sử dụng nguồn quỹ bình ổn đúng quy định và có hiệu quả. Khuyến khích và tạo thói quen sản xuất và tiêu dùng hàng hóa nội địa có chất lượng, giá cả phù hợp. Tạo cơ chế gắn kết giữa các doanh nghiệp phân phối với doanh nghiệp sản xuất để tạo đầu ra cho các sản phẩm công nghiệp, nhất là những sản phẩm công nghiệp tiêu dùng và dân sinh.

Ở phạm vi quốc gia cũng như địa phương, cần kiện toàn tổ chức

và nâng cao chất lượng công tác tham mưu về chính sách phát triển kinh tế, các hoạt động quản lý hành chính nhà nước, điều tiết thị trường và thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước, cũng như nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả đầu tư nhà nước; tăng cường công tác thông tin (nhất là chất lượng công tác thống kê), dự báo và phân biện chính sách xã hội trước các biến động nhanh chóng của thị trường, nhất là mặt trái của những chính sách đang và sẽ triển khai; phối hợp các hoạt động và cơ quan dự báo với giám sát, bao gồm cả giám sát chuyên ngành với giám sát hợp nhất, tổng thể toàn thị trường để cảnh báo sớm rủi ro và xử lý một cách hiệu quả những vấn đề mới phát sinh, nhất là các rủi ro chéo, tránh các đổ vỡ dây chuyền và bất ngờ... ■

Hiệu quả của hiệu quả

▶▶▶ Tiếp theo trang 26

40% để thực hiện tăng trưởng kinh tế. Tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực nhà nước (bao gồm cả ngân sách, DN nhà nước và tín dụng ưu đãi) đã giảm từ 59,8% năm 2001 xuống còn 33,9% năm 2008, nhưng từ năm 2009 đã tăng trở lại chiếm 40,6%, cao hơn tỷ trọng của 2 khu vực còn lại (ngoài nhà nước 33,9%, đầu tư trực tiếp nước ngoài 25,5%). Cơ sở hạ tầng còn là một điểm nghẽn phát triển, nên chỉ tiêu cho việc khắc phục điểm nghẽn này sẽ còn lớn cả về quy mô và tỷ trọng.

Chi cho lương đương chức, chắc sẽ không “đuổi theo” như vừa qua, mà vượt lên trước giá và cải cách thật sự; chi lương hưu sẽ ngày một tăng do đối tượng này ngày một đông.

Chi cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội tới đây cũng rất lớn. Chi giải quyết việc làm vì tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm lớn. Chi cho giáo dục- đào tạo với mục tiêu nâng tỷ lệ lao động được đào

tạo lên 55% vào năm 2015 và 70% vào năm 2020; nâng số sinh viên bình quân 1 vạn dân khoảng 200 hiện nay lên 450 vào năm 2020. Chi cho y tế để đến năm 2020 bình quân 1 vạn dân có 9 bác sỹ, 26 giường bệnh, 100% dân số có BHYT. Các khoản chi để thực hiện mục tiêu đưa tỷ lệ dân số có nước sạch ở thành thị và nước hợp vệ sinh ở nông thôn lên 100%; đưa tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đến năm 2015 đạt 20%, đến năm 2020 đạt 50%; đưa tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2015 lên 42% và đến năm 2020 lên 45%.

Mục tiêu đề ra là vừa giảm tỷ lệ thu NSNN so với GDP, vừa giảm tỷ lệ bội chi NSNN so với GDP, đồng nghĩa với việc vừa phải tăng hiệu quả của nền kinh tế để chiếc bánh GDP to ra nhanh; vừa phải tăng hiệu quả của thu chi ngân sách.

Tăng hiệu quả của nền kinh tế chủ yếu tập trung vào việc tăng hiệu quả đầu tư và tăng năng suất lao động. Hiệu quả đầu tư thời gian qua còn thấp và có xu hướng giảm (1 đồng vốn đầu tư nếu thời kỳ

1996- 2000 còn tạo ra 3 đồng GDP, nhưng đến thời kỳ 2001- 2005 giảm chỉ còn 2,6 đồng, đến thời kỳ 2006- 2010 chỉ còn 2,4 đồng; hệ số ICOR thời kỳ 1996- 2000 là 4,6 lần, đến thời kỳ 2001- 2005 là 5,2 lần, đến thời kỳ 2006- 2010 là 6,1 lần, bình quân thời kỳ 1996- 2010 là 5,6 lần, cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực); hiệu quả đầu tư của của khu vực kinh tế nhà nước cũng thấp hơn 2 khu vực còn lại (ICOR thời kỳ 2006- 2008 của toàn nền kinh tế là 6,1 lần thì của khu vực kinh tế nhà nước là 8 lần, khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 4,3 lần, của khu vực có vốn ĐTNN là 5,1 lần). Năng suất lao động năm 2009 của Việt Nam chỉ đạt 34,7 triệu đồng/người, chưa được 2000 USD; của nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản chỉ đạt 12,4 triệu đồng, chưa được 700 USD.

Tăng hiệu quả thu, chi ngân sách một mặt phải chống thất thu, chống lãng phí, thất thoát trong chi tiêu ngân sách; mặt khác quan trọng hơn là khoan thư sức dân, nuôi dưỡng nguồn thu để có nguồn thu lớn hơn, tạo điều kiện cho chi tiêu lớn hơn, mà bội chi lại giảm ■